



Ly Bôi

Trang Y Hạ

Ly bôi, là chén rượu cùng nhau uống lúc chia ly (ly là chia ly, bôi là cái chén để uống rượu). Theo [bộ giắc] chữ “thương” cũng là cái chén để uống rượu. “*Phùng thương thương thọ*”. (Nâng chén rượu chúc thọ). Và, Trường Ca của Khuất Nguyên (Thời Chiến Quốc), gồm 373 câu Ly Tao. (Ly - là chia ly. Tao - là buồn rầu lo lắng). Tao cũng là (hèm rượu). Từ đó “ly tao” cũng đồng nghĩa với “ly bôi”.

Vậy “ly bôi” là nâng chén rượu uống lúc Biệt Ly. “*Biệt ly nhớ nhung từ đây, chiếc lá rơi theo heo may, người về có hay*”*. Biệt ly - nỗi buồn kẻ ở người đi - người đi ra ngoài ngàn dặm quan san bằng chén rượu tiễn đưa trong cảnh lưu luyến không muốn rời. Chén rượu tiễn đưa không chỉ là ở các đấng nam nhi mà còn in đậm trong tình yêu, tình vợ chồng: Đoạn thơ *tài tình* tả rất thực, rất cảm động lúc bịn rịn chia ly của hai người: (Thúc Sinh và Nàng Kiều):

*“Người lên ngựa kẻ chia bào,
Rừng phong, thu đã nhuốm màu quan san.
Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
Vàng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường”.* (Nguyễn Du).

Thi hào Vương Hàn (Vương Hàn (687-735) với bài thơ “Lương Châu Từ” cũng đã để lại trong lòng người một nỗi buồn não nuột, não nùng khi phải uống vội vàng chén rượu để ra chiến trường:

*“Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tỳ bà mã thương thôi
Túy ngoại sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.* (Vương Hàn).

Tạm dịch:

*(Rượu bồ đào, chén dạ quang
Uống nhanh lên ngựa tiếng đàn giục đi
Say nằm chiến địa cười chi
Xưa nay chinh chiến mấy khi trở về)!**

Tuy nhiên, không phải lúc nào ly bôi cũng để chỉ chúc cho những người tráng sĩ đi ra ở ngoài sa trường. Có những chén rượu mà người tráng sĩ rót ra để mời - người vợ, người mẹ, người cha, người anh em ruột thịt bị chết và được vùi lấp nơi vùng chiến địa. Tại mặt trận An Lộc – Thị Trấn An Lộc năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai “Mùa Hè Đỏ Lửa”. Một người lính địa phương tử thủ trong suốt thời gian bị vây hãm. Vợ con của người lính bị đạn cộng quân làm sập căn nhà và họ bị chết hết. Người lính đặt tấm hình của vợ trên mộ bia và cầm bi đông rót chung rượu tiễn linh hồn người vợ yên nghỉ nơi miền cực lạc. Người lính chỉ còn biết nhờ chung rượu nồng ấm nói thay cho tình vợ chồng đã nồng ấm bởi không còn giọt nước mắt để khóc.

Thử tìm hiểu, rượu từ đâu mà có? Từ thời thượng cổ con người còn ăn lông ở lỗ chỉ biết săn bắn, hái cái cây ăn để tồn tại. Trái cây trong rừng quá nhiều ăn không hết chín rụng thành đồng, thối rữa lên men nước chảy ra đọng thành vũng các loài thú hoang ngửi mùi thơm hăng nồng xúm nhau uống và say, cả con voi to lớn nhưng khi uống loại nước hăng nồng đó rồi cũng say đi nghiêng ngã.

Con người từ khi đã biết dùng lửa, biết canh nông - đó là giai đoạn biết chưng cất rượu, làm men rượu. Men rượu làm bằng bột gạo ngào trộn với các loại thảo mộc [thuốc Bắc] giã nát vo tròn ủ kín. Thảo mộc gồm: cảm thảo, xuyên khung, uất kim, tiểu hồi, bạc hà, nhục đậu khấu, bạch trạch ...

- Người Trung Hoa có nhiều loại rượu nổi tiếng với những cái tên nghe rất kêu, như: Động Đình Xuân Tửu – Kiếm Nam Xuân Tửu – Tường Vi Lộ Tửu – Hồng Lộ Tửu – Trúc Diệp Thanh Tửu – Ngũ Gia Bì Tửu – Nữ Nhi Hồng Tửu, còn có tên khác (Hoàng Tửu Thiệu Hưng – Mao Đài Tửu...!
 - Người Việt cũng có nhiều loại rượu nổi danh, như: Kim Long Tửu - Mũi Đơn Tửu – Kim Sơn Tửu – Bầu Đá Tửu – Gò Đen Tửu – Phú Lễ Tửu...!
- (Kim Long Tửu, Loại rượu này thuộc vùng Quảng Trị được người Pháp ưa chuộng, đã xuất cảng về Pháp và các quốc gia Châu Âu).

Ngoài ra: Ngày xưa còn có các loại rượu chưng cất để dành riêng cho vua chúa uống, gọi là Ngự Tửu. “Hoàng Triều Ngự Tửu”, là thứ rượu ngon dành riêng vua chúa uống.

“Ba tuần ngự tửu, hai cành cung hoa” (Nhị Độ Mai).

Thời xưa, quan tưỏng có công với vua, với nước đều được vua ban “Ngự Tửu” thưởng công! Tuy nhiên, không phải lúc nào được uống Ngự Tửu của vua ban cũng là vinh dự mà ngược lại (đôi khi) - đó là loại rượu ngâm độc được, uống vô học máu chết ngay tại chỗ.

Phương Tây biết tới rượu theo “Thần Thoại Hy Lạp”.

Phương Đông biết tới rượu từ “Hội Bàn Đào Tây Vương Mẫu”).

Rượu Với Đông Y:

Thời Tam Quốc, có thần y nổi tiếng Hoa Đà đã dùng rượu và thảo mộc chế ra thuốc gây mê có tên là “Ma Phi Tán”, thuốc này khi uống vô làm cho người được “giải phẫu” ngủ say mê không biết đau. Thần y Hoa Đà đã từng chữa bệnh cho nhiều người có địa vị cao quý trong thời của ông, như: Quan Công, Tào Tháo, Lữ Bố, Trần Đăng... Cuối cùng ông bị Tào Tháo bỏ tù và chết ở trong tù. Sách thuốc của ông cũng thất truyền từ đó. Ông còn dùng rượu để ngâm dược liệu vì theo quan niệm Đông Y rượu dẫn thuốc nhanh [nếu biết uống rượu] và ngâm rượu với dược liệu để xoa bóp... Từ đó cho tới nay người ta dùng rượu ngâm thuốc chẳng những ngâm thuốc chữa bệnh mà còn ngâm nhiều loại hoa quả tạo ra nhiều loại rượu rất thơm ngon. Theo Tây Y thì lại cho rằng, rượu bia không tốt cho sức khỏe, các bác sĩ cấm uống bia rượu và khuyên đừng uống bia rượu.

Rượu Với Bạn Hữu:

Bạn hữu mỗi khi gặp nhau - hạp tính tình, hạp tính cách - hơn nữa lại cùng một ý hướng [lý tưởng] thì dù xa xôi cũng tìm tới hàn huyên nâng chén uống tới mềm môi vẫn chưa say - dù có say cũng chỉ là say nghĩa, say tình bởi đó là “tri kỷ”, còn nếu như biết đờn, biết ca thì xem như “tri âm” - Bá Nha & Chung Tử Kỳ.

*"Rằng: "Nghe nổi tiếng cầm đài
Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ"
Kiều (Câu 463).*

Bài: Xuân Nhật Tây Hồ Ký (Âu Dương Tu).

*“ Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiếu,
Thoại bất đầu cơ bán cú đa.
Dao tri hồ thượng nhất tôn tửu,
Năng ức thiên nhai vạn lý nhân”. [...]*

Dịch thơ:

*(Gặp bạn hiểu nhau ngàn chén ít
Chuyện trò không hợp nửa câu dư
Mới biết trên hồ cầm chén rượu
Nhớ người vạn dặm buổi tạ từ.). **

Và, cũng có khi chén rượu làm tan rã nghĩa kim bằng bởi một vài nguyên do chính trị không thể dàn hòa, hoặc hai bên chiến tuyến phải đối địch... Trong “Thuyết Đường”. Bài “*Tổng Tửu Đơn Hùng Tín*”, có câu: “*Chén rượu xưa kết tình bạn hữu, ly rượu nay dứt nghĩa kim bằng*”.

Người xưa nói: “*Rượu tình, rượu nghĩa*”, cho dù là như vậy, nhưng cũng phải tùy nơi, tùy cảnh, tùy trình độ hiểu biết và tha nhân...

Ngoài ra, tửu lượng mỗi người mỗi khác, có người uống vài ba tĩn chưa say, có người uống vài ngụm đã say túy lúy nói năng mất kiểm soát... Tính cách uống rượu cũng khác nhau, có người khi rượu vào thì nói huyên thuyên chẳng cho ai nói và cứ cho ý kiến của mình là đúng; có người rượu vào thì lại khóc lóc kể lể như con nít; có người rượu vào thì gây sự với bất cứ ai kể cả vợ con, cha mẹ, anh chị em, cô chú bác hàng xóm; có người khi rượu vào thì ngồi trầm ngâm tư lự, đuổi ruồi không bay; có người khi có rượu vào thì ngâm thơ, ca hát, kể đủ thứ chuyện rất vui!

Người xưa nói mượn rượu giải sầu “*Dục phá thành sầu duy hữu tửu*”. Chỉ có rượu mới giải được nỗi sầu, như: “*Sầu thất tình, sầu cuộc đời đổi trắng thay đen, sầu thất chí bởi thi rớt, sầu vì nợ nần, sầu vì vợ ốm con đau, sầu vì bị phản bội, sầu bị kẻ khác vu oan giá họa, sầu vì bị tù đày vô lý, sầu bị mất nước, sầu vì ế*

chồng, ế vợ, sầu vì nghèo, sầu vì chiến tranh.... Sự buồn rầu có căn tính, mãn tính như vậy thì dù có mượn chén rượu “giải vây” cũng chỉ là tạm thời - “*Trừu đao đao đoạn thủy, thủy cánh lưu. Cử bôi tiêu sầu, sầu cánh sầu*” (Rút dao chặt nước nước càng chảy. Nâng chén tiêu sầu sầu càng sầu). (Lý Bạch).

Mượn rượu giải sầu càng sầu, một khi tỉnh rượu lại càng sầu thêm, bởi rượu là chất men (cồn) sẽ tan biến, còn nỗi buồn thì vĩnh viễn. Người buồn uống rượu càng nhiều sẽ làm tê liệt thính giác. Do tê liệt thính giác nên chính người say rượu khi phát âm họ không kiểm soát được tăng suất âm thanh quá lớn của họ, mà họ cứ nghĩ là mình đang nói chuyện bình thường. Phần nhiều kẻ say rượu họ cần phải nói lớn tiếng, nói lớn tiếng mà không biết rằng mình đã nói lớn tiếng. Người ngồi chung bàn cảm thấy khó chịu với tiếng hét chói tai đó tất nhiên phải phản ứng. Phản ứng cho dù lịch sự, tế nhị cũng bị cho là xúc phạm. Vậy là sinh ra cãi lộn ở nơi bàn nhậu - đôi khi mất bình tĩnh dẫn tới đánh đấm, xô bàn, đập ghế - gây thương tích trầm trọng và mất mạng. Người say không kiểm soát được tư cách hành động lời nói dẫn tới mất luôn cả nhân cách.

Rượu Với Thi Nhân:

Thi nhân, hầu hết họ là người học thức, có nhận thức, có hồn thơ lai láng nên trong tâm hồn luôn xao động như ngọn sóng lăn tăn trên mặt hồ với những chiếc lá vàng rơi trong làn gió nhẹ, cũng có khi giấu kỹ uẩn khúc nhân sinh quan quặn thắt mà đành chịu đựng để giải bày qua ngôn ngữ của thơ. Chung rượu, đối với thi nhân chỉ là chất cường toan pha loãng chấy ngầm - khơi dậy một cõi rất riêng lung linh huyền ảo mơ mộng và thực tại gào thét rồi từ đó cho ra: “Tài Tình”. Tài tình hay hơn cả “Thơ Tình”. Chính thi hào Nguyễn Du đã nhận thức cái “tài tình” đó qua câu thơ:

“Nghĩ đời mà ngán cho đời, Tài tình chi lắm cho trời đất ghen”.

Thơ Tài Tình Hoàn Toàn Khác Với Thơ Tình.

Đọc Truyện Kiều chắc ít ai nhận ra câu thơ “Tài Tình” của đại thi hào Nguyễn Du

“Một gian nước biếc mây vàng chia đôi”.

Câu (2419 – 2738).

Tài tình không phải tự nhiên mà có tài tình. Tài tình thuộc về “Siêu Nhiên” là của trời ban cho. Tài tình giỏi hơn tài ba. Có thể hiểu, đó là “Nhận Thức”. Nhận thức (Cognition và Cognition affluence) - sự giàu có về nhận thức - siêu giác quan (ngoài giác quan). Chính nhận thức để ra kiến thức. Thơ tình chỉ là một mảnh nhỏ thậm chí rất nhỏ ở trong tài tình. Không phải ai cũng nhận thức để được tài tình, nhận thức là dự cảm, thấu cảm sự việc chuyển động ngầm ngầm xuyên suốt - hiện tại, quá khứ, tương lai hầu tìm ra tinh túy từ trong vũ trụ mà trong mỗi con người là một vũ trụ thu nhỏ.

Rượu với thi nhân như hình với bóng, trong cơn men lâng lâng người thi nhân tài tình nhận được một giác quan siêu nhiên nhập vô trong người, chữ nghĩa từ thiên cổ rủ nhau chạy về lung linh huyền ảo - đó là: **hồn thu thảo, - bầy xác sống, - hồn nước mây, - trăng mỏng, - trăng vỡ, - trăng ghen...**

Đó là ngôn ngữ rất riêng của thơ. Tuy vậy, thi nhân họ vẫn luôn (Tỉnh Táo), họ chỉ say bằng con tim nóng chứ không say bằng cái đầu nóng, họ chỉ say trong chất men ngôn ngữ huyền diệu và tài tình. Cho dù là ngôn ngữ của thơ nhưng tuyệt đối thi nhân không bao giờ vi phạm quy ước ngôn ngữ, như: viết sai văn phạm, viết sai chính tả, viết sai ngữ pháp, viết sai mạo từ (cái ra con, con ra cái). Hoặc viết ngược, như: *“vẹn nguyên, pha phôi, vọng vang, giản đơn, đau đau...”!*

Quy ước ngôn ngữ vốn đã có từ lâu, từ rất lâu. Kẻ nào phản đối, phản kháng lại ngôn ngữ Hàn Lâm mà quần chúng đã công nhận Quốc Ngữ thì đó là một hành vi chính trị độc tài, sa đọa, giả dối và áp đặt.

Một số tác giả ngày nay cố tình hay vô tình xài thứ chữ Việt quái đản, dị hợm đã góp phần làm rối rắm, dẫn tới - *“Cái Chết Của Một Ngôn Ngữ”*. Tựa bài văn của Tác giả: (Trịnh Thanh Thủy).

Chữ nghĩa hiện nay. Theo Tiến sĩ Nguyễn Thị Tịnh Thy, Giảng Viên Chương Trình Giáo Dục Khai Phóng, nói:

“Nhà văn sai, nhà thơ sai, nhà giáo sai, nhà báo sai, nhà khoa học sai; cử nhân thạc sĩ sai, tiến sĩ giáo sư sai; sách vở giáo trình sai, đề thi đáp án sai, luận văn luận án sai, từ điển sai; âm nhạc sai, văn chương sai, báo chí sai, công văn sai... Tất tần tật đều có sai. Đặc biệt, các nhà báo, nhà ngôn ngữ, giáo viên, giảng viên dạy tiếng Việt và Văn học – những người sống bằng nghề chữ nghĩa và dạy người khác chữ nghĩa - mà cũng sai.”.

Và,

“...Tiếng Việt đã và đang sai đến mức quá sâu rộng, mười năm sau là đủ để cơn sóng sai phạm này phá huỷ tiếng mẹ đẻ của người Việt.”.

Và, cũng theo một vị cựu giáo sư văn chương, nói:

Sai nhiều là ở trong các tác phẩm của các thi nhân, bởi [một số] chưa thấu hiểu, chưa cảm nhận để phân biệt đâu là ngôn ngữ thơ; đâu là ngôn ngữ Hàn Lâm Văn Chương Tự Điển. Từ đó các thi nhân “phịa” ra các thứ chữ quái đản, dị hợm, vô hồn, vô nghĩa, tối nghĩa rồi cho rằng đó là ngôn ngữ thơ; là nhân cách hóa.

Thời Nhà Đường, các thi hào, thi bá cho thơ hòa chung với tửu, nhiều không kể ra hết. Tuy vậy, thơ tiêu biểu về rượu nổi danh có thể nói đó là Thi hào Lý Bạch, như bài Tương Tiên Tửu:

*“Nhân sinh đắc ý tu tận hoan,
Mạc sử kim tôn không đối nguyệt
Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng,
Thiên kim tán tận hoàn phục lai”.*
(Lý Bạch).

Dịch thơ:

*(Người đời được dịp cứ vui vậy,
Đừng để chén không dưới bóng nguyệt
Trời sinh ắt đã có chỗ dùng
Xài sạch ngàn vàng hẳn trở lại). **

Đỗ Phủ – Lý Bạch hai người đã từng gặp nhau ở Lạc Dương, vì mến tài nhau mà kết thành đôi bạn vong niên (Đỗ Phủ nhỏ hơn Lý Bạch mười một tuổi). Đỗ Phủ, trong bài “Xuân Nhật Uống Lý Bạch”. Ông viết:

*“Vị bắc xuân thiên thụ
Giang Đông nhật mộ vân
Hà thời nhất tôn tửu
Trùng dữ tế luân văn”.*

Dịch thơ:

*(Bắc sông Vị cây mùa xuân lặng ngắm
Giang Đông ngày lặn bóng phủ mây chiều
Hy vọng sẽ hội kiến nâng ly rượu
Thơ văn ngòi bàn luận dưới trăng xiêu). **

Và, Đỗ Phủ, năm bảy trăm năm tám [758] vừa ra tù. Ông đến Khúc Giang (Tây An, Thiểm Tây) vì quá túng quẫn phải đem cầm quần áo để sống. Đỗ Phủ buồn phiền nên sa đà với tửu để quên nỗi buồn thất sủng. Ông nợ tiền rượu chủ quán. Ông trút sự nhục nhã vào thơ: Trích: (Khúc Giang Trì).

*“Tửu trái tâm thường hành xứ hữu
Nhân sinh thất thập cổ lai hy”.*

Tạm dịch:

(Nợ tiền uống rượu là chuyện thường, nhưng lại là chuyện hiếm hoi đối với một người đã bảy mươi tuổi).

Vậy đó, đã già (bảy mươi tuổi) đầu rồi mà còn nợ tiền rượu mới là chuyện hiếm thấy xưa nay! Ý chính là vậy, chứ không phải sống tới “thất thập cổ lai hy” mới là hiếm. Tuy nhiên, câu “thất thập cổ lai hy”, cũng là kính trọng người sống thọ (thời xưa). Ngày nay sống trăm tuổi là chuyện thường, “**bách tuế vi kì**”. (Trăm năm là giới hạn).

Tào Thực, con trai Tào Tháo, ông từng làm bài thơ “Thật Bộ Thi”. (Bảy bước ra thơ), ông uống rượu rất khỏe. Ông viết:

“Quy lai yển Bình Lạc - Mỹ tửu đầu thập thiên”.
(Trở về mở yến ở quán Bình Lạc, Rượu ngon uống mười ngàn đấu).

Trong tác phẩm Lục Vân Tiên cũng có câu:

“Cùng nhau kết bạn đồng tâm, khi cờ, khi rượu, khi cầm, khi thi”.

Rượu và thi nhân không thể tách rời “*Dĩ tửu trợ văn, dĩ văn hội tửu*” và “*Phi tửu bất thành lễ*”. Lễ đây là đối đãi phải lễ (qua lại) với nhau chứ không hẳn là “ngiht lễ cúng bái”, cúng bái ông bà tổ tiên đôi khi không

nhất thiết phải có rượu, chỉ cần một chén nước cũng đã tỏ rõ tấm lòng thành. Tuy vậy, người xưa cho tới ngày nay luôn dùng rượu trong các dịp “Quan – Hôn – Tang – Tế”.

Truyện Thủy Hử, có Võ Tòng đánh hổ trên đồi Cảnh Dương, tửu lượng uống tới mười tám chén. Trong “Thiên Long Bát Bộ & Tiểu Ngạo Giang Hồ”, nhân vật Kiều Phong, Lệnh Hồ Xung, Tô Thiên Thu là những hảo hán, tính tình hào sảng dùng rượu kết giao bằng hữu. “*Âm tửu dung hòa đích quân tử*”. Họ coi rượu là “Đạo Tửu”, ở bất cứ nơi đâu họ đều uống các danh tửu:

Nữ Nhi Hồng Tửu. Trúc Diệp Thanh Tửu. Bách Thảo Mỹ Tửu.

Rượu: Sự Chết & Mất Nước:

Truyền thuyết phao tin thi hào Lý-Bạch say-sưa bên bờ sông Thái Thạch lờ mờ thấy trăng chìm đáy nước, vội vàng nhảy xuống vớt trăng lên để rồi chết đuối. Từ đó thiên hạ cho xây một cái đài, tên là “Tróc-Nguyệt-Đài” (Đài Bớt Trăng). Thật ra thì đã có bằng-chứng cụ thể là Lý-Bạch tự vẫn mà chết. Tuy nhiên, phần nhiều người mê thơ Lý Bạch không thích ông tự tử. Chính chuyện thù dật ôm trăng mà chết đã làm cho thơ của ông càng nổi tiếng hơn. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du cho Từ Hải chết đuối cũng là vì thương đấng anh hùng nghe theo lời khuyên của giai nhân (Thúy Kiều) mà chết thảm thiết.

Độc Tam Quốc Chí [sách phần nhiều là hư cấu]. La Quán Trung, hư cấu việc: Trương Phi say rượu, bị tên lính “thợ may” dưới quyền cầm cây kéo đâm chết, quả thực vô lý. Thực tế [sử] là Trương Phi bị phục rượu độc mà chết một cách oan nghiệt. Thủ phạm chính là Gia Cát Lượng và Lưu Bị. Tuy rằng ba người (Lưu - Quan - Trương) có “*kết nghĩa vườn đào*” lúc chưa hình thành nước nước Thục, nhưng một khi Nhà Thục ra đời có danh chính ngôn thuận về mặt địa lý, có chính quyền hành chính thực tế - thì cách cư xử, cách đối xử [thường, phạt], cách xưng hô chỉ là “bê tôi”. (Dưới con mắt vua chúa, tình ruột thịt còn bị tru di, huống hồ là tình kết nghĩa). Chuyện quốc gia đại sự thì không thể để tình cảm lấn lướt. Quan Vân Trường, chính là kẻ cản trở chính sách và chiến lược liên hoàn “địa lý, quân sự, chính trị” của Nhà Thục với Đông Ngô. Lưu Bị mượn tay Đông Ngô giết Quan Trường bằng lý do “hôn nhân chính trị” nhưng đã quá trễ. Bề trái của lịch sử “ngâm” quả thật là kinh khủng.

Trần Thúc Bảo (Trần Hậu Chủ) vị vua cuối cùng của Nhà Hậu Trần thời Nam Bắc Triều trong lịch sử Trung Quốc cũng vì mê uống rượu với giai nhân mà mất nước.

Theo “Lĩnh Nam Chích Quái” vị vua Hùng Vương cuối cùng cũng vì mê uống rượu mà để đất nước rơi vào tay Thục Phán. Sử lịch xảy ra năm Giáp Thìn (257 TCN).
(Đại Việt Sử Ký Toàn Thư)

Vua Trần Anh Tông vị vua thứ tư của Triều Trần vì mê uống rượu “Xương Bò” say không biết trời trăng mây nước. Thái Thượng Hoàng (vua cha) ghé thăm mà không hay biết. Thượng Hoàng (Trần Nhân Tông) có tâm lòng nhân hậu đã bỏ qua sau khi nghe lời trần tình mà không truất phế ngôi vua. Vua Trần Anh Tông hối lỗi và bỏ hẳn uống rượu để chăm lo việc nước.

Rượu Với Tôn Giáo:

Phật Giáo:

Phật Giáo cấm uống rượu. Phật tử thọ giới Bồ Tát không được uống rượu. Kinh “Phạm Võng” uống rượu làm hư tổn bản thân, người nấu rượu bán rượu đồng lõa với tội lỗi. Phật dạy “Người uống rượu sinh ra ba mươi sáu [36] thứ tội lỗi, đó là vô lượng tội”. Phật tử không nên dâng rượu cho Phật và cũng không thể uống rượu nếu không muốn lên Niết Bàn hưởng phú quý!

Thiên Chúa Giáo (Công Giáo).

“Trong ngày Lễ Vượt Qua. Đức Giê-su cầm lấy **bánh**, dâng lời chúc tụng, rồi bẻ ra, trao cho các ông và nói: “Anh em hãy cầm lấy, đây là mình Thầy. Và Người cầm chén **rượu**, dâng lời tạ ơn, rồi trao cho các ông, rồi tất cả đều uống chén rượu này. Người bảo các ông:

“Đây là máu Thầy, máu Giao Ước, đổ ra vì muôn người. Thầy bảo thật anh em: chẳng bao giờ Thầy còn uống rượu nữa, cho đến ngày Thầy uống thứ rượu mới trong Nước Thiên Chúa.”

(Mt 26,29).

Theo luật, Linh Mục mỗi ngày phải dâng một thánh lễ, tất nhiên trong thánh lễ có rượu và bánh thánh tượng trưng (mình và máu) của Chúa. Do đó đạo Công giáo không hoàn toàn cấm rượu, chỉ khuyên giáo dân hạn chế tiêu thụ để gìn giữ sức khỏe.

Cổ nhân uống rượu với một phong cách thoát tục (thần tiên) chứ không phải uống bừa bãi theo kiểu (trần tục) bạ đâu uống đó “*buồn cũng uống, vui cũng uống, không vui không buồn cũng uống*”, bạ đâu uống đó gọi là “nhậu”, nhậu nhẹt bê tha, say sỉn, la hét, chém giết nhau và nằm ngủ vất vưởng ngoài đường, ngoài chợ, quần áo bẩn thỉu, đầu tóc bù xù trông chẳng còn là con người. Tửu đối với thi nhân; các bậc anh hùng đại trượng phu, họ lấy rượu để bày tỏ chính khí, hào khí đầu đội trời chân đạp đất. Tào Tháo uống rượu cùng với Lưu Bị mà luận anh hùng là vậy đó. Tửu [rượu] cũng là một “định ước bất thành văn” kết nối giữa người với người; với bằng hữu; với quân thần “tửu vua ban” và người với thánh thần khi tế lễ trời đất, tổ tiên.

Người xưa nói, **chén thù, chén tạc** là một hình thức tiêu biểu của sự tôn trọng và mến khách. Người chủ nhà nâng chén rượu chúc mừng khách, gọi là “tạc”. Người khách đáp trả lại gọi là “thù”. Tình cảm quý mến đó gọi là “thù tạc”.

Ly bôi, tức là chén rượu uống trong lúc chia ly hay còn gọi là chén rượu tiễn đưa.

*“Hơi thở biệt ly tràn phé-phủ,
Tiễn đưa lệ ngọc ẩn cung mây,
Mộ lạnh miếu đền ai đó ngủ,
Thức đi, hấp lại cảnh chia này”*
(Trích thơ: Trang Y Hạ).

Rượu chia ly, – dù chia ly bất cứ lý do nào đều để lại nỗi buồn trong lòng người (đi và ở), nỗi thương nhớ cho cả hai bên không dễ gì một sớm một chiều mà có thể nguôi ngoai. Người thiếu phụ tiễn đưa chồng đi chinh chiến, để rồi đêm đêm ngồi bên ngọn đèn dầu tư tưởng nhớ mong, lo lắng: “Chàng từ đi vào nơi gió cát. Đêm trăng này nghĩ mát nơi nao”? Đôi khi một lần tiễn đưa là xa nhau mãi mãi.

Tạm trích hai câu thơ của Trang Y Hạ để dừng lại giây phút Ly Bôi!

*“Uống đi rượu sẽ giải bày,
Hốt vài dùm nắng ấm tay tặng người”.*

Trang Y Hạ, 2012.

* Trang Y Hạ. (Dịch Thơ).

* Biệt Ly - Ca khúc của nhạc sĩ Doãn Mẫn.